SAO Y : Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu;22/08/2024 15:39:42 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 37 /2024/NQ-HĐND	*Lai Châu, ngày 20 tháng 8 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Xét Tờ trình số 3152/TTr-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 374/BC-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ hai mươi hai thông qua ngày 20 tháng 8 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Giàng Páo Mỷ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 37 /2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu, gồm: Mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý một số loại tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án; xử lý tài sản là kết quả của dự án; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân; thẩm quyền xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, trừ trường hợp mua sắm tài sản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

2. Quy định này quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng được phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.

2. Đối tượng được quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ: Gồm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, Văn phòng Tỉnh ủy, cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Đảng Ủy khối các cơ

quan & Doanh nghiệp tỉnh, Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ và đơn vị sự nghiệp của Đảng.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Việc phân cấp phải phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan. Người được phân cấp thẩm quyền quyết định phải chịu trách nhiệm toàn bộ về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu, các quy định pháp luật hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đảm bảo phù hợp với quy định Nhà nước và tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý, sử dụng tài sản công và việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ của tỉnh, theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này, thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tài sản khác có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm từ 7 tỷ đồng trở lên/gói thầu; *(trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này)*;

b) Các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương là đơn vị dự toán cấp I *(sau đây gọi là đơn vị cấp tỉnh)* quyết định mua sắm tài sản *(trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm đ khoản 2 Điều này)* của đơn vị mình và quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ trên 200 triệu đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm tài sản từ trên 200 triệu đến dưới 7 tỷ đồng/01 gói thầu của các cơ quan, tổ chức,

đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản *(trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm đ khoản 2 Điều này)* có giá trị từ trên 200 triệu đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc giá trị mua sắm tài sản từ trên 200 triệu đến dưới 7 tỷ đồng/01 gói thầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

d) Các đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện *(sau đây gọi là đơn vị cấp huyện)* và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản đối với các trường hợp không thuộc điểm a, điểm b, điểm c và điểm đ khoản 2 Điều này, trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

đ) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Người đứng đầu quyết định mua sắm tài sản *(trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô)* từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị. Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều này.

3. Đối với tài sản công thuộc Danh mục mua sắm tập trung *(cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh)*, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định của Trung ương và của tỉnh về mua sắm tập trung.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cho các đơn vị cấp tỉnh *(trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này)*.

2. Các đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê tài sản *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này)* phục vụ hoạt động của đơn vị mình và quyết định thuê tài sản cho đơn vị trực thuộc với giá thuê từ 200 triệu đồng trở lên/hợp đồng thuê tài sản, trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp thẩm quyền giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản *(trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này)* cho các đơn vị cấp huyện, cấp xã.

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản khác với giá thuê từ 200 triệu đồng trở lên/hợp đồng thuê tài sản.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, các đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị mình *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này)* với giá thuê dưới 200 triệu đồng/hợp đồng thuê tài sản, trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp thẩm quyền giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Người đứng đầu quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô.

2. Các đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này)* của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô giữa các sở, ngành, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thành phố.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này)* giữa các sở, ngành, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thành phố.

3. Các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này)* giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô.

2. Các đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản công *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này)* của đơn vị mình và quyết định bán tài sản của đơn vị trực thuộc có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này)* của các đơn vị cấp

huyện, cấp xã có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, các đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản khác *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này)* của đơn vị mình quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01đơn vị tài sản.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Người đứng đầu quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định *(trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô)*.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản *(trừ trường hợp quy tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này)*;

b) Xe ô tô.

2. Các đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này)* của đơn vị mình. Quyết định thanh lý tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư được cơ quan người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này)* của các đơn vị cấp huyện, cấp xã.

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư được cơ quan người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất.

c) Tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, các đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này)* của đơn vị mình quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu huỷ tài sản công

1. Các đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan của đơn vị mình và quyết định tiêu hủy tài sản công của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công theo quy đinh của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan của các đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô.

2. Các đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này)* của đơn vị mình. Quyết định xử lý tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này)* của các đơn vị cấp huyện, cấp xã.

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, các đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị

mất, bị huỷ hoại *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này)* có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước theo hình thức xử lý tài sản là điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy và xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo thẩm quyền được phân cấp tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Quy định này.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

a) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh *(trừ các tài sản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)*;

b) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô của quỹ xã hội, quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

2. Các đơn vị cấp tỉnh xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý *(trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)*.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

a) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện *(trừ các tài sản là nhà, đất, xe ô tô)*;

b) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền *(trừ các tài sản là nhà, đất, xe ô tô)*.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với nhà, đất, xe ô tô.

2. Các đơn vị cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc các đơn vị cấp tỉnh quyết định tịch thu *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này)*.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã ra quyết định tịch thu *(trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này)*.

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu *(trừ trường hợp quy định tại điểm a và b, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu đối với nhà, đất, xe ô tô.

2. Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu do cơ quan thi hành án cấp tỉnh chuyển giao *(trừ quy định tại khoản 1 Điều này)*.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao *(trừ quy định tại khoản 1 Điều này)*.

Điều 16. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế *(trừ trường hợp quy định tại điểm a, b và d, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên thuộc di tích lịch sử - văn hóa; bất động sản vô chủ, bất động sản không có người thừa kế.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản *(trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)*.

Điều 17. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác, thu hồi, thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác, thu hồi, thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác, thu hồi, thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 18. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi ***(trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi)***

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 19. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Mục 2

VIỆC MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Điều 20. Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này, thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 7 tỷ đồng trở lên *(trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này)*;

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 7 tỷ đồng của đơn vị mình và quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 7 tỷ đồng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác *(trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này)*;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ trên 200 triệu đồng đến dưới 7 tỷ đồng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã, trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác *(trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này)*.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Người đứng đầu quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị. Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

3. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung *(cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh)*, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định của Trung ương và của tỉnh về mua sắm tập trung.

Mục 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nội dung trong quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt./.